

Xây dựng chỉ số xung đột quốc tế: Hệ tiêu chí đánh giá và ứng dụng¹

Nghiêm Tuấn Hùng^(*)

Phí Vĩnh Tường^(**)

Tóm tắt: Chỉ số xung đột quốc tế là một công cụ đo lường sự phức tạp của các cuộc xung đột giữa các quốc gia và các yếu tố liên quan. Chỉ số này giúp theo dõi và đánh giá mức độ xung đột, cũng như khả năng can thiệp và giải quyết. Mối tương quan giữa các chỉ số thành phần cũng rất quan trọng. Việc hiểu rõ các mối tương quan này để xây dựng công thức tính chỉ số xung đột, từ đó xác định trạng thái xung đột là cần thiết để dự báo nguy cơ xung đột và tìm ra các biện pháp giảm thiểu.

Từ khóa: Chỉ số xung đột quốc tế, Đo lường, Ứng dụng

Abstract: The International Conflict Index, is used to measure the complexity of conflicts between nations and the associated factors, which helps monitor and assess the level of conflict as well as the potential for intervention and resolution. The crucial correlation between component indicators also matters. Understanding these correlations to build an index formula for conflict identification, is vital for forecasting the risk of future disputes and figuring out measures for conflict mitigation.

Keywords: The International Conflict Index, Measurement, Application

Ngày nhận bài: 05/01/2025; Ngày duyệt đăng: 25/02/2025

1. Mở đầu

Xung đột quốc tế là một trong những yếu tố nguy cơ lớn nhất đối với an ninh toàn cầu và sự phát triển bền vững của các quốc gia. Xung đột không chỉ gây thiệt hại to lớn về con người, mà còn làm gián đoạn các mối quan hệ chính trị và kinh tế quốc tế. Để hiểu rõ hơn về các nguyên nhân, động lực và xu hướng của xung đột

quốc tế, việc đo lường xung đột trở thành một công cụ thiết yếu. Tuy nhiên, cho đến nay, các nỗ lực đo lường xung đột vẫn còn thiếu tính toàn diện và khả năng dự báo chính xác, điều này dẫn đến sự thiếu hụt thông tin và không đủ cơ sở để xây dựng các chính sách phòng ngừa và giải quyết hiệu quả.

Để góp phần giải quyết vấn đề trên, nghiên cứu này đề xuất xây dựng một khung chỉ số xung đột quốc tế toàn diện, kết hợp nhiều yếu tố khác nhau để tạo ra một công cụ đo lường đáng tin cậy và toàn diện. Khung chỉ số này sẽ không chỉ tập trung vào các yếu tố quân sự mà còn bao gồm các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội

¹ Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ nghiên cứu “Xây dựng hệ tiêu chí đánh giá cục diện thế giới”, do TS. Phí Vĩnh Tường chủ nhiệm, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới chủ trì, thực hiện năm 2023-2025. (*), (**) TS., Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: tuanhung3110@gmail.com

và văn hóa, giúp cung cấp cái nhìn toàn diện về xung đột quốc tế. James D. Fearon (2003) chỉ ra việc phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố như quyền lực quân sự, sức mạnh kinh tế và sự bất ổn chính trị có thể giúp dự đoán sự phát triển của xung đột.

Việc đo lường xung đột quốc tế không chỉ là một thách thức về mặt phương pháp mà còn là một yêu cầu cấp thiết để đảm bảo an ninh toàn cầu và phát triển bền vững. Các mô hình đo lường xung đột hiện nay vẫn còn thiếu sót và không đủ khả năng cung cấp thông tin đầy đủ để xây dựng chính sách phòng ngừa và giải quyết hiệu quả. Do đó, việc phát triển một khung chỉ số toàn diện sẽ giúp cải thiện khả năng đo lường và phân tích xung đột quốc tế, từ đó hỗ trợ các quốc gia và tổ chức quốc tế trong việc duy trì hòa bình và ổn định trên toàn cầu.

2. Phương pháp luận

Phương pháp luận của nghiên cứu này bao gồm việc lựa chọn chỉ số phù hợp, quy trình phân tích dữ liệu định lượng và định tính, nhằm giúp trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, diễn biến và hậu quả của xung đột quốc tế.

2.1. Lựa chọn chỉ số

Chỉ số là công cụ quan trọng trong việc đo lường xung đột quốc tế, vì chúng giúp tập hợp và phân tích thông tin từ nhiều góc độ khác nhau. Các chỉ số được lựa chọn trong nghiên cứu này dựa trên khả năng phản ánh các khía cạnh quan trọng của xung đột quốc tế, bao gồm tần suất, cường độ, tác động và bối cảnh. Để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của dữ liệu, các chỉ số được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và uy tín trên toàn cầu, bao gồm các tổ chức như Viện Nghiên cứu Hòa bình Stockholm (SIPRI), Cao ủy Liên Hợp Quốc về người tị nạn (UNHCR), Cơ sở dữ liệu Khủng bố toàn cầu (GTD), và Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS).

Trong việc lựa chọn chỉ số, các yếu tố quan trọng như tần suất xung đột (số lần xung đột xảy ra trong một khoảng thời gian nhất định), cường độ (mức độ nghiêm trọng của xung đột, bao gồm cả số lượng thương vong và thiệt hại vật chất), và tác động (ảnh hưởng lâu dài của xung đột đối với an ninh và phát triển) được xem xét kỹ lưỡng. Một yếu tố quan trọng khác là bối cảnh của xung đột, chẳng hạn như các yếu tố chính trị, kinh tế và xã hội góp phần làm gia tăng hoặc giảm thiểu nguy cơ xung đột.

David J. Lektz (2009) nhấn mạnh, một bộ chỉ số toàn diện không chỉ cần phản ánh các yếu tố vật chất của xung đột mà còn cần phải tính đến các yếu tố xã hội và chính trị, chẳng hạn như sự bất bình đẳng, sự phân cực chính trị và các yếu tố địa lý. Điều này là rất quan trọng trong việc xác định được các động lực tiềm ẩn của xung đột, từ đó xây dựng các chính sách ngăn ngừa hiệu quả.

2.2. Quy trình phân tích dữ liệu

Quy trình phân tích dữ liệu được thực hiện theo hai phương pháp chính: phân tích định lượng và phân tích định tính.

* Phân tích định lượng

Các mô hình tương quan và hồi quy sẽ được áp dụng để kiểm tra sự liên kết giữa các yếu tố khác nhau của xung đột, chẳng hạn như mối quan hệ giữa cường độ xung đột và tình trạng bất ổn chính trị, hoặc giữa tần suất các cuộc tấn công khủng bố và sự gia tăng tị nạn. Mô hình hồi quy giúp xác định những yếu tố tác động mạnh mẽ nhất đến việc phát sinh và kéo dài xung đột. Việc áp dụng các mô hình định lượng có thể giúp phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố động lực trong xung đột, từ đó đưa ra dự báo chính xác về xu hướng tương lai của các cuộc xung đột (Offe, 2006). Các mô hình hồi quy sẽ giúp không chỉ phân tích mối quan hệ giữa các chỉ số mà còn dự

báo các xu hướng có thể phát sinh từ các yếu tố này.

** Phân tích định tính*

Phân tích định tính bao gồm việc nghiên cứu các trường hợp điển hình, tức là những cuộc xung đột nổi bật và các tình huống có thể phản ánh rõ ràng các yếu tố quyết định trong việc phát sinh và kéo dài xung đột quốc tế. Phương pháp nghiên cứu định tính là rất quan trọng trong việc hiểu rõ các yếu tố văn hóa và xã hội không thể đo lường một cách trực tiếp, nhưng có vai trò quyết định trong việc tạo ra xung đột (Galtung, 1969).

** Kết hợp phân tích định lượng và định tính*

Việc kết hợp phân tích định lượng và định tính sẽ giúp có một cái nhìn toàn diện về các cuộc xung đột quốc tế. Mối quan hệ giữa các chỉ số định lượng và động lực xã hội, chính trị sẽ cung cấp một cơ sở vững chắc để xây dựng các chiến lược hòa bình và ổn định. Việc lựa chọn chỉ số từ các nguồn đáng tin cậy và quy trình phân tích dữ liệu khoa học sẽ giúp cung cấp cái nhìn sâu sắc và dự báo chính xác hơn về xung đột quốc tế, thiết lập chính sách phòng ngừa và giải quyết xung đột hiệu quả.

3. Các chỉ số thành phần

Để xây dựng một khung chỉ số xung đột quốc tế toàn diện, việc lựa chọn các chỉ số thành phần (component indicators) là một bước quan trọng. Dưới đây là chi tiết các chỉ số này.

3.1. Tần suất và cường độ xung đột vũ trang

Tần suất (Conflict Frequency) và cường độ xung đột vũ trang (Conflict Intensity) là hai chỉ số cơ bản để đánh giá mức độ nghiêm trọng của các cuộc xung đột quốc tế. Tần suất phản ánh số lượng các cuộc xung đột xảy ra trong một khoảng thời gian nhất định, trong khi cường độ thể hiện mức độ nghiêm trọng của các cuộc

xung đột, chẳng hạn như số lượng thương vong, thiệt hại tài sản và thời gian kéo dài của cuộc xung đột. Dữ liệu từ Uppsala Conflict Data Program (UCDP) và các tổ chức hòa bình quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc đo lường các chỉ số này. Các thông tin này có thể được sử dụng để phân tích sự thay đổi trong tần suất xung đột qua thời gian, xác định các khu vực có mức độ xung đột cao và đánh giá mối tương quan giữa các yếu tố gây ra xung đột. Sự gia tăng tần suất xung đột có thể được giải thích bằng các yếu tố chính trị và kinh tế, cấu trúc quyền lực quốc tế và sự cạnh tranh tài nguyên (Gleditsch và cộng sự, 2002). Mặc dù tần suất xung đột có thể dao động theo thời gian, cường độ của các cuộc xung đột lại có xu hướng tăng lên khi các yếu tố này tích lũy và các quốc gia hoặc nhóm vũ trang bị đẩy vào các tình huống khủng hoảng.

3.2. Chi tiêu quân sự và xuất nhập khẩu vũ khí

Chi tiêu quân sự (Military Spending) và giao dịch vũ khí (Arms Trade) là hai yếu tố quan trọng có thể giúp dự đoán khả năng leo thang của xung đột. Chi tiêu quân sự thường phản ánh cam kết của một quốc gia đối với việc duy trì hoặc tăng cường khả năng quân sự của mình, trong khi giao dịch vũ khí cho thấy mức độ vũ trang và sự chuẩn bị của các quốc gia hoặc các nhóm vũ trang. Dữ liệu từ các tổ chức như SIPRI cung cấp những thông tin quan trọng về chi tiêu quân sự và giao dịch vũ khí toàn cầu. Các quốc gia có chi tiêu quân sự cao và tham gia vào các giao dịch vũ khí lớn có khả năng gia tăng nguy cơ xung đột vũ trang, đặc biệt là trong các khu vực dễ bị tổn thương về chính trị và xã hội (Lutz và cộng sự, 2009). Gia tăng chi tiêu quân sự không chỉ thúc đẩy sự phát triển của các lực lượng quân đội mà còn tạo ra một môi

trường dễ dẫn đến chiến tranh, tạo ra các căng thẳng địa chính trị, dẫn đến các cuộc xung đột mới (Boehmer và cộng sự, 2002). Ngoài ra, việc nhập khẩu và xuất khẩu vũ khí phản ánh sự phụ thuộc vào các nguồn vũ khí nước ngoài hoặc khả năng cung cấp vũ khí cho các quốc gia khác. Sự gia tăng trong các giao dịch vũ khí, đặc biệt là giữa các quốc gia có sự căng thẳng cao, có thể là một dấu hiệu cho thấy nguy cơ leo thang xung đột.

3.3. Thương vong và di cư

Thương vong (Casualties) và di cư (Displacement) là những chỉ số trực tiếp phản ánh tác động của xung đột đối với cuộc sống của người dân và xã hội. Thương vong có thể được phân loại thành thương vong dân sự và thương vong quân sự, trong khi di cư bao gồm di cư nội bộ và di cư xuyên quốc gia. UCDP và UNHCR cung cấp các dữ liệu quan trọng về thương vong và di cư, giúp đánh giá tác động của xung đột đến các cộng đồng. Di cư có thể gây ra khủng hoảng nhân đạo, làm trầm trọng thêm sự bất ổn trong các khu vực xung đột và tạo ra những áp lực đối với các quốc gia tiếp nhận người tị nạn (Hepburn, 2011). Nghiên cứu của Loescher (2001) cũng chỉ ra rằng, các cuộc di cư khổng lồ không chỉ phản ánh mức độ nghiêm trọng của xung đột mà còn gây ra các tác động dài hạn đến phát triển kinh tế và xã hội của các quốc gia.

3.4. Căng thẳng địa chính trị và chiến tranh ủy nhiệm

Căng thẳng địa chính trị (Geopolitical Tensions) và chiến tranh ủy nhiệm (Proxy Wars) là những chỉ số quan trọng khác, phản ánh sự tham gia của các quốc gia hoặc các cường quốc trong các cuộc xung đột khu vực thông qua sự hỗ trợ cho các nhóm hoặc quốc gia đối địch. Tranh chấp biên giới, yêu sách lãnh thổ

và can thiệp nước ngoài thường làm gia tăng căng thẳng và tạo ra những xung đột kéo dài. Các cuộc xung đột ủy nhiệm là một hình thức chiến tranh mà các quốc gia mạnh can thiệp vào các xung đột khu vực để bảo vệ hoặc mở rộng ảnh hưởng của mình mà không trực tiếp tham gia vào chiến tranh (Kerr, 2005). Pape (2005) cũng chỉ ra rằng, sự can thiệp của các cường quốc trong các xung đột quốc tế có thể làm tăng cường độ và kéo dài thời gian xung đột, tạo ra các hiệu ứng không thể lường trước như lan rộng xung đột sang các khu vực khác.

3.5. Tác động kinh tế và dư luận xã hội

Tác động kinh tế (Economic Impact) và dư luận xã hội (Social Unrest) là những yếu tố không thể bỏ qua khi đánh giá tác động của xung đột quốc tế. Xung đột vũ trang có thể gây ra những tổn thất lớn về kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến GDP, thất nghiệp, tạo ra bất ổn xã hội. Các quốc gia bị ảnh hưởng bởi xung đột thường đối mặt với sự suy giảm mạnh trong tăng trưởng kinh tế, làm trầm trọng thêm sự nghèo đói và bất bình đẳng. Các quốc gia có mức độ xung đột cao thường có chỉ số tăng trưởng GDP thấp hơn, do các cuộc xung đột làm gián đoạn các hoạt động kinh tế và tăng chi tiêu quân sự (Collier và cộng sự, 2004). Các tổ chức quốc tế như Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB) cung cấp dữ liệu về các tác động kinh tế của xung đột, giúp phân tích mức độ ảnh hưởng của xung đột đến kinh tế toàn cầu và các quốc gia bị ảnh hưởng. Sự bất ổn xã hội cũng có thể gia tăng do xung đột, dẫn đến sự thay đổi trong dư luận xã hội và sự thay đổi trong chính sách. Các cuộc xung đột có thể làm gia tăng sự phân cực trong xã hội, làm giảm sự tin tưởng vào chính phủ và các tổ chức quốc tế, đồng thời tạo ra các phong trào xã hội mới, có

thể gây ảnh hưởng đến chính sách quốc gia và quốc tế.

Tóm lại, các chỉ số thành phần của xung đột quốc tế nêu trên đóng vai trò quan trọng trong việc phân tích và dự đoán các cuộc xung đột. Việc nghiên cứu các chỉ số này giúp các nhà nghiên cứu và các tổ chức quốc tế hiểu rõ hơn về các nguyên nhân gây ra xung đột và tìm ra những giải pháp hiệu quả để giảm thiểu tác động của chúng.

4. Mối tương quan giữa các chỉ số

Trong nghiên cứu về xung đột quốc tế, mối tương quan giữa các chỉ số đóng vai trò quan trọng trong việc hiểu rõ hơn động lực của xung đột, chỉ ra các yếu tố cấu thành nền tảng của xung đột quốc tế.

4.1. Chi tiêu quân sự và tần suất xung đột vũ trang

Một trong những yếu tố quan trọng trong việc đo lường xung đột quốc tế là chi tiêu quân sự, đây được coi là chỉ số phản ánh năng lực quân sự và sẵn sàng tham gia xung đột của một quốc gia. Những quốc gia với ngân sách quốc phòng lớn có thể dễ dàng duy trì lực lượng quân đội hùng mạnh, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc leo thang xung đột. Khi chi tiêu quân sự tăng, các quốc gia thường có xu hướng tham gia vào các cuộc xung đột nhiều hơn, cả chiến tranh nội bộ và tranh chấp lãnh thổ (Collier và cộng sự, 2004). Việc chi tiêu quân sự cao có thể dẫn đến “quân sự hóa” chính sách đối ngoại, làm gia tăng khả năng xảy ra các cuộc xung đột vũ trang (Gleditsch và cộng sự, 2002). Ngoài ra, sự gia tăng chi tiêu quân sự không chỉ liên quan đến khả năng tham gia xung đột mà còn có mối liên hệ trực tiếp với sự leo thang của xung đột, đặc biệt trong các cuộc chiến tranh kéo dài (Lutz và cộng sự, 2009). Các quốc gia có chi tiêu quân sự cao không chỉ có khả năng tham gia vào các cuộc chiến mà còn có xu

hướng duy trì xung đột trong thời gian dài, do có đủ nguồn lực để phục hồi và duy trì chiến tranh.

4.2. Căng thẳng địa chính trị và chiến tranh mạng

Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị, các quốc gia thường sử dụng chiến tranh mạng như một công cụ chính trị thay thế cho các cuộc xung đột vũ trang trực tiếp. Điều này đặc biệt đúng trong các xung đột hiện đại, khi các cuộc chiến tranh không chỉ diễn ra trên chiến trường thực mà còn trên không gian mạng (không gian ảo), nơi các quốc gia có thể tấn công vào hạ tầng thông tin của đối phương mà không cần huy động lực lượng quân sự (Pape, 2005). Các quốc gia có thể tiến hành các cuộc tấn công mạng để làm gián đoạn các cơ sở hạ tầng thiết yếu, gây tổn hại về mặt kinh tế mà không cần phải sử dụng quân đội, từ đó gia tăng căng thẳng và tác động đến quan hệ quốc tế (Taddeo, 2018).

Ngoài ra, căng thẳng địa chính trị không chỉ dẫn đến chiến tranh mạng mà còn thúc đẩy sự leo thang của các cuộc chiến tranh ủy nhiệm, trong đó các quốc gia sử dụng các lực lượng vũ trang không chính thức hoặc các nhóm đối lập để gián tiếp tham gia vào xung đột. Điều này càng làm gia tăng sự phức tạp của các xung đột quốc tế và khiến việc giải quyết trở nên khó khăn hơn (Kerr, 2005).

4.3. Tác động kinh tế và dư luận xã hội

Tác động kinh tế của xung đột quốc tế và dư luận xã hội là yếu tố quan trọng không thể bỏ qua trong việc phân tích mối tương quan giữa các chỉ số. Các cuộc xung đột vũ trang gây ra thiệt hại lớn về kinh tế, bao gồm sự suy giảm sản xuất, thiệt hại thương mại, phá hủy cơ sở hạ tầng. Xung đột kéo dài có thể làm giảm mạnh GDP của quốc gia và làm gia tăng tỷ lệ thất nghiệp,

điều này trực tiếp tác động đến bất ổn xã hội và gia tăng sự bất mãn trong dân chúng (Dube và cộng sự, 2013).

Khi xung đột kéo dài, sự bất ổn xã hội và kinh tế có thể tạo điều kiện thuận lợi cho các phong trào chính trị cực đoan và gia tăng căng thẳng xã hội. Dube và Vargas (2013) cho rằng, các quốc gia có thể chứng kiến sự gia tăng của các cuộc biểu tình và các hành động bạo lực khi mức sống giảm sút và sự bất bình trong xã hội ngày càng lớn.

Hậu quả của xung đột cũng ảnh hưởng đến lòng tin của công chúng và có thể làm giảm sự ổn định chính trị. Các quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề bởi chiến tranh thường phải đối mặt với sự giảm sút khả năng điều hành, dẫn đến mất niềm tin từ công dân và gây ra các bất ổn chính trị lâu dài. Những tác động kinh tế này không chỉ ảnh hưởng đến một quốc gia mà còn có thể lan rộng đến các quốc gia khác trong khu vực, đặc biệt là qua các mạng lưới thương mại và di cư (Loescher, 2001).

5. Xây dựng công thức và ứng dụng chỉ số

Việc xây dựng một hệ thống chỉ số xung đột quốc tế không chỉ nhằm đo lường các yếu tố cấu thành xung đột mà còn để hỗ trợ các nỗ lực phòng ngừa, giải quyết, và ra quyết định chiến lược liên quan đến xung đột quốc tế.

5.1. Xây dựng công thức

$$ICFI = \frac{\sum_{i=1}^n w_i \cdot \frac{X_i - \min(X_i)}{\max(X_i) - \min(X_i)}}{\sum_{i=1}^n w_i}$$

Giải thích công thức:

X_i : Giá trị của từng thành phần chỉ số (F, M, D, G, E), được đo lường thông qua các chỉ số chi tiết như sau:

F: Tần suất và cường độ xung đột vũ trang, tính toán từ dữ liệu UCDP, số lượng xung đột và thương vong.

M: Chỉ tiêu quân sự và giao dịch vũ khí, từ dữ liệu SIPRI về ngân sách quốc phòng và giao dịch vũ khí.

D: Thương vong và di cư, từ dữ liệu UNHCR, UCDP về số người thiệt mạng và di cư.

G: Căng thẳng địa chính trị và chiến tranh ủy nhiệm, đo lường từ mức độ tranh chấp lãnh thổ và xung đột ủy nhiệm.

E: Tác động kinh tế và dư luận xã hội, đo lường từ mức suy giảm GDP, thất nghiệp và chỉ số bất ổn xã hội.

w_i : Trọng số của từng thành phần chỉ số, phản ánh mức độ quan trọng của từng khía cạnh xung đột. Trọng số này được xác định thông qua: Đánh giá chuyên gia (Expert Judgement); Phân tích thống kê (PCA - Principal Component Analysis) hoặc AHP (Analytic Hierarchy Process).

$$\frac{X_i - \min(X_i)}{\max(X_i) - \min(X_i)};$$

Chuẩn hóa giá trị X_i trong khoảng [0, 1], giúp loại bỏ sự không đồng nhất giữa các đơn vị đo lường của các lĩnh vực.

$\sum_{i=1}^n w_i$: Đảm bảo tổng trọng số là 1 để tạo sự nhất quán.

Cách tính điểm thành phần:

$F = \alpha \cdot \text{Conflict Frequency} + \beta \cdot \text{Conflict Intensity}$
(α và β là trọng số, với $\alpha + \beta = 1$).

$M = \gamma \cdot \text{Military Spending} + \delta \cdot \text{Arms Trade}$
(γ và δ là trọng số, với $\gamma + \delta = 1$).

$D = \epsilon \cdot \text{Casualties} + \zeta \cdot \text{Displacement}$
(ϵ và ζ là trọng số, với $\epsilon + \zeta = 1$).

$G = \eta \cdot \text{Geopolitical Tensions} + \theta \cdot \text{Proxy Wars}$
(η và θ là trọng số, với $\eta + \theta = 1$).

$E = \kappa \cdot \text{Economic Impact} + \lambda \cdot \text{Social Unrest}$
(κ và λ là trọng số, với $\kappa + \lambda = 1$).

Để tạo thang đo đánh giá trạng thái xung đột quốc tế từ Chỉ số xung đột quốc tế (ICFI), cần chia phạm vi giá trị của ICFI (thường từ 0 đến 1 do chuẩn hóa) thành 4 cấp độ cụ thể như trong bảng bên.

Cấp độ xung đột	Phạm vi giá trị ICfi	Mô tả	Ví dụ
Cạnh tranh	0.00 - 0.25	Mức độ xung đột thấp, các yếu tố xung đột (tần suất, chỉ tiêu quân sự, thương vong, thiệt hại,...) ở mức tối thiểu. Xã hội tương đối ổn định.	Các quốc gia hoặc khu vực có mâu thuẫn nhỏ hoặc tranh chấp không đáng kể.
Đối kháng	0.26 - 0.50	Xung đột ở mức trung bình, các yếu tố căng thẳng về quân sự và kinh tế tăng lên đáng kể nhưng chưa dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng. Nguy cơ leo thang có thể xảy ra.	Các xung đột khu vực, căng thẳng lãnh thổ, xung đột về kinh tế, hoặc các cuộc xung đột cục bộ có quy mô hạn chế.
Xung đột vũ trang	0.51 - 0.75	Xung đột cao, các yếu tố xung đột như thương vong, chỉ tiêu quân sự và căng thẳng địa chính trị ở mức cao, gây bất ổn đáng kể.	Các cuộc chiến tranh khu vực hoặc xung đột kéo dài với thương vong và di cư lớn.
Chiến tranh quy mô lớn	0.76 - 1.00	Xung đột nghiêm trọng, mức độ tàn phá lớn về người và kinh tế, với các yếu tố căng thẳng địa chính trị và chiến tranh leo thang không kiểm soát.	Chiến tranh tổng lực hoặc xung đột mang tính hủy diệt như chiến tranh thế giới hoặc khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng.

5.2. Ứng dụng chỉ số

Các chỉ số như chỉ tiêu quân sự, nhập khẩu vũ khí, căng thẳng địa chính trị có thể được sử dụng để dự báo khả năng leo thang xung đột. Khi các chỉ số này đạt đến một mức độ nhất định, các quốc gia hoặc tổ chức quốc tế có thể can thiệp kịp thời để ngăn chặn hoặc giảm thiểu sự leo thang.

Các chỉ số xung đột quốc tế cũng có thể ứng dụng trong quá trình giải quyết hậu quả xung đột. Sau khi xung đột nổ ra, việc sử dụng các chỉ số để đánh giá mức độ thiệt hại và hậu quả có thể giúp các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc và các tổ chức cứu trợ nhân đạo ưu tiên nỗ lực cứu trợ.

Cuối cùng, các chỉ số xung đột quốc tế cũng có thể hỗ trợ các quốc gia và tổ chức quốc tế trong việc ra quyết định chiến lược. Các quyết định chiến lược bao gồm việc áp dụng các biện pháp can thiệp như trừng phạt kinh tế, lệnh cấm vận, hoặc tham gia vào các liên minh quân sự.

6. Kết luận

Xây dựng chỉ số xung đột quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp một cái nhìn tổng quan, có hệ thống về động

lực của các cuộc xung đột quốc tế. Chỉ số này không chỉ giúp đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến xung đột mà còn cung cấp những thông tin hữu ích để hỗ trợ việc đưa ra các chính sách phòng ngừa và giải quyết xung đột. Trong bối cảnh các cuộc xung đột quốc tế ngày càng trở nên phức tạp và đa dạng, việc áp dụng các chỉ số để đánh giá và dự báo xung đột không chỉ giúp các quốc gia và tổ chức quốc tế chuẩn bị sẵn sàng đối phó, mà còn tạo cơ sở khoa học vững chắc cho các quyết định chiến lược.

Ứng dụng của chỉ số xung đột quốc tế cũng không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ chính sách quốc gia mà còn có giá trị quan trọng trong nghiên cứu học thuật. Việc xây dựng và áp dụng các chỉ số này có thể giúp các học giả và nhà nghiên cứu phát triển những lý thuyết mới về xung đột quốc tế, từ đó tạo ra những phương pháp phân tích xung đột đa chiều và sâu sắc hơn. Các chỉ số này không chỉ giúp đánh giá các yếu tố tác động đến xung đột mà còn mở ra những hướng nghiên cứu mới về các mối tương quan phi tuyến tính, sự thay đổi trong cấu trúc xung đột qua thời gian, và ảnh hưởng

của các yếu tố bên ngoài như các tổ chức quốc tế hay các sáng kiến hòa bình.

Tóm lại, chỉ số xung đột quốc tế không chỉ là một công cụ hữu ích cho các nhà làm chính sách mà còn là một phần quan trọng trong nghiên cứu học thuật về xung đột quốc tế. Việc ứng dụng và phát triển các chỉ số này sẽ không chỉ giúp ngăn ngừa và giải quyết xung đột, mà còn giúp hiểu rõ hơn về bản chất của các cuộc xung đột trong một thế giới ngày càng phức tạp và liên kết chặt chẽ □

Tài liệu tham khảo

- Allison, G. (2017), *Destined for war: Can America and China escape thucydides's trap?*, Houghton Mifflin Harcourt.
- Binns, R. (2018), "Artificial intelligence and conflict prediction: current developments and future possibilities", *International Studies Review*, 20 (1), 1-16.
- Boehmer, C. & Gleditsch, K.S. (2002), "The WTO and Peace: Interdisciplinary approaches to the study of trade and conflict", *Journal of Peace Research*, 39 (2), 161-176, DOI: 10.1177/0022343302039002002
- Bove, V. & Ruggeri, A. (2015), "The impact of military spending on the likelihood of war", *International Interactions*, 41 (3), 452-476, DOI: 10.1080/03050629.2015.1027395
- Collier, P., & Hoeffler, A. (2004), "On the Incidence of Civil war in Africa", *Journal of Conflict Resolution*, 48 (4), 525-550.
- Dube, O.P. & Vargas, J.F. (2013), "Commodity price shocks and civil conflict: Evidence from Colombia", *Review of Economics and Statistics*, 95 (4), 1252-1267, DOI: 10.1162/REST_a_00322
- Fearon, J.D. (1995), "Rationalist explanations for war", *International Organization*, 49 (3), 379-414.
- Galtung, J. (1969), "Violence, Peace, and Peace research", *Journal of Peace Research*, 6 (3), 167-191.
- Gartzke, E. (2007), "The economics of war and peace", *Journal of Economic Surveys*, 21 (3), 523-551, DOI: 10.1111/j.1467-6419.2007.00540.x
- Gleditsch, K.S., Wallensteen, P., Eriksson, M., Sollenberg, M., & Strand, H. (2002), "Armed conflict 1946-2001: A new dataset", *Journal of Peace Research*, 39 (5), 615-637, DOI: 10.1177/0022343302039005001
- Hepburn, J. (2011), "The impact of internal displacement on the economic and social development of host countries", *Refugee Studies Quarterly*, 30 (4), 61-78, DOI: 10.1093/rsq/hdq048
- Keohane, R.O. & Nye, J.S. (2001), *Power and Interdependence*, Longman.
- Kerr, P. (2005), "The politics of proxy wars", *Journal of Conflict resolution*, 49 (6), 791-805, DOI: 10.1177/0022002705280180
- Lektz, D.J. (2009), *The Peacebuilding Puzzle*, Cambridge University Press.
- Loescher, G. (2001), "The global refugee crisis: A challenge to the international order", *International Politics*, 38 (3), 319-336, DOI: 10.1057/palgrave.ip.8800213
- Lutz, D.S. & Lutz, J.M. (2009), "The effects of military expenditure on conflict escalation", *Conflict Management and Peace Science*, 26 (3), 255-276, DOI: 10.1177/0738894209336330
- Offe, C. (2006), *Turbulent and unstable worlds: Politics in the Globalizing era*, Polity Press.
- Pape, R.A. (2005), "Soft balancing against the United States", *International Security*, 30 (1), 7-45, DOI: 10.1162/016228804323046780

(xem tiếp trang 52)